

DEPT LEGAL
INDOCHINE
AUG 1951

cho những người biết học

Xem kỳ này

Luân thuyết

Cái trường học rất lớn cho những người biết học

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

Dịch pháp văn

Danh ngôn trích dịch

HẢI-LƯỢNG

Dân sinh bi kịch

Không một tiếng vang III

VŨ TRỌNG PHỤNG

Cái thú con nhà văn

Những câu đối chọi 111

NGUYỄN VĂN-ĐỀ

Dịch Hán văn

Bảng vương các tự

NGUYỄN-VĂN ĐỀ

Kỹ thuật

Về bài địa vị thanh niên trong văn chương ngày nay I l.

TUYÊN-THANH

Lịch sử tiểu thuyết

Hoa lư kết nghĩa

DƯƠNG BÁ-TRẠC

Thi thoại

TRÚC KHÊ

Câu chuyện thứ bảy

Văn phòng hội nghị

ANH HOA CHI

Tin túc

Văn thơ v., v...

Nay nói đến sự học thì ai cũng bảo phải có trường học, phải có thầy dạy, phải có sách giáo-khoa, phải có bài giảng nghĩa, phải có công khóa hằng ngày ; lúc còn nhỏ muốn cho có được cái trí-thức phổ-thông thì phải vào trường tiểu-học ; lúc lớn lên muốn cho có được cái nghề-nghiệp ứng dụng thì phải vào các trường học chuyên môn ; muốn theo về nghề nông thì phải học ở trường canh-nông ; muốn theo về nghề buôn thì phải học ở trường thương-mại ; muốn theo về nghề thuốc thì phải học ở trường thuốc ; muốn theo về quân sự thì phải học ở trường binh ; muốn theo về nghề chính trị, thì phải học ở trường pháp chính ; ai cũng biết thế, mà như thế là lẽ cố-nhiên rồi.

Song, ta lại phải biết rằng : cũng một trường học đó, một thầy dạy đó, một sách giáo-khoa cũng học như nhau đó, một bài giảng nghĩa cũng nghe như nhau đó, một cái công khóa hằng ngày cũng theo như nhau đó mà có phải thành-tựu ai cũng như ai đâu ; cũng là học quân-sự đấy mà có phải ai cũng thành ông Joffre, ông Foch cả đâu ; cũng là học chính trị đấy mà có phải ai cũng thành ông Poincaré, ông Briand cả đâu ; cũng là học canh nông, học thương mại đấy mà có phải ai cũng thành vua bông, vua khoai, chúa gang chúa

sắt cả dẫu. Ở những nước văn-minh tiên tiến, sự giáo-dục đã mười phần hoàn-bị, trong nước biết bao nhiêu là trường học, biết bao nhiêu là người học mà sao người tốt nghiệp ở trong trường học ra kè muôn kè ứ, nhưng người làm nên được sự

nghiệp, nổi tiếng được về một nghề gì, do sở-học thi-thố ra sở-hành cho hiển hách một đời, lưu danh muôn thuở, vẫn thấy hi-hân lắm, chẳng khác gì lông phượng sừng lân. Lại xét từ xưa đến nay, suốt phương đông qua phương tây, có hiếm chi người không nghe có từng học ở một trường nào, học với một thầy nào, theo công khóa học chuyên cần được bao năm bao tháng mà cũng làm nên được những cái công nghiệp chọc trời khuấy nước, xuất loại siêu quần. Những bậc anh hùng hào kiệt đời xưa thường thường xuất thân ở nơi hàn tiện. Chính ngay bây giờ những danh-nhân trong thế-giới, nào nhà đại tư-tưởng, nhà đại phát minh, nhà đại phú-hào, nhà đại chính-trị, nhà đại quân-sự cũng phần nhiều phát tích rất là khốn ách nghèo nàn. Những người ấy chắc không được cái may-mắn theo học đến nơi đến chốn như các cậu con nhà giàu sang, có tiền nghìn bạc muôn, học từ bé đến lớn hết trường nọ đến trường kia mà bởi đâu dũa tri rèn tài, thành được nhân vật vĩ đại như thế.

Coi thế thì biết cái học nhà trường là cái học thông thường, có thể đào-tạo nên được cái nhân vật thông thường, mà không thể chỉ chắc vào đấy đã hẳn đào-tạo nên được cái nhân vật vĩ đại. Một lớp sinh-viên ở trong trường học canh nông chỉ là một lớp người xới vườn cuốc ruộng mà chưa hẳn đã đúc ra được một tay đại nông hay tiến chủng cải lương. Một lớp sinh viên ở trong trường thương mại chỉ là một lớp người lính sổ cầm cân mà chưa hẳn đã đúc ra được một tay đại thương đủ thương tài thương đức. Một lớp sinh-viên ở trong trường chính-trị chỉ là một lớp người làm việc bàn giấy mà thôi, mà chưa hẳn đã đúc ra được một ông Tỉ-tư-mạch hay một ông Kha-ba. Một lớp sinh viên ở trong trường vũ bị chỉ là một lớp người bị viên hàng ngũ mà thôi, mà chưa hẳn đã đúc ra được ông Nã-phá-luân hay một ông Huệ-linh-đốn. Một nhân vật vĩ đại phải có một cách đào tạo khác thường, mà không chỉ đào-tạo bằng cái học thông-thường được; hoặc vừa có cái học thông-thường mà lại vừa phải có cái học khác thường nữa; hoặc không có cái học thông thường mà vốn đã tự có cái học khác thường kia. Cái cách đào-tạo nên nhân vật vĩ đại tuy một phần nhờ về thiên-tài siêu việt hơn người thường, một phần nhờ về cảnh ngộ đặc biệt khác người thường, một phần nhờ về vận hội thích hợp không giống người thường, mà một phần lớn chính là nhờ về có cái học khác thường để luyện được cái thiên tài siêu việt của mình, lợi dụng được cái cảnh ngộ đặc biệt của mình, ứng phó được cái vận hội thích hợp của mình, mà thành tựu công nghiệp của mình vậy.

(Còn nữa)

DƯƠNG BÁ-TRẠC

CÙNG CÁC NGÀI CHƯA TRẢ TIỀN

Có nhiều đọc-giả mua báo đã lâu, mà tới nay vẫn chưa gửi trả tiền; chúng tôi đã nhiều lần nhắc các ngài mà các ngài cứ quên hình như các ngài cho việc gửi tiền trả nhà báo là không cần; bởi vậy xin nhắc lần này nữa, mong các ngài ai chưa trả tiền thì kíp gửi trả cho; nếu không chúng tôi bắt buộc phải nhờ nhà bưu-điện đòi hỏi, thì chỉ thêm tổn tiền cho các ngài mà thôi. Đa tạ trước.

V. H. T. C.

TƯỜNG THUẬT VỀ CUỘC NÓI CHUYỆN CỦA ÔNG LE TRẢNG-KIỀU VỀ « Địa-vị thanh niên trong văn-học ngày nay »

(Tiếp theo số trước)

Về « Lời văn dẫn đi », trước tiên ông Trảng Kiều khuyên các thính giả cũng nên biết công cho những người có tâm huyết với quốc văn, đã mở đường mở lối cho quốc-văn tiến hành, đã hết sức lựa chọn và thâu dụng những chữ Hán vào quốc văn để cho nó được rời rạc, phong phú. Công ấy là công các nhà văn hào Phan - kế - Bình, Ngô - đức - Kế, Dương bá - Trạc, Phạm - Quỳnh, Nguyễn bá Trạc, vân, vân... Văn ấy đã tạo nên những tạp chí rất có giá trị và muôn đời cũng không bao giờ nhà văn học sử Việt-Nam bỏ qua đi được: Đông-Dương-Tạp-Chí, Nam-Phong v.v. Văn ấy đã được một số đông quốc-dân yêu chuộng. Những đọc giả nó là những bậc văn nhân thượng lưu hoặc trung lưu trong nước.

Nhưng bây giờ thời thế đã thay đổi. Các báo-chí và sách vở quốc văn ngày nay không thể chỉ dùng làm lợi-khí và công dụng cho một hạng có học rộng được nữa. Nó phải phổ cập đến người nhà quê trong các làng và người thợ trong các xưởng. Nó phải cung ích cho bọn bình dân. Cho nên nó phải đổi thay về hình thức. Nó không thể nực nạc, nặng nề những điển - tích, những chữ nho như xưa được nữa. Nó không thể mũ cao áo giải, chỉnh chiện, bệ vệ như một ông quan lớn !

Nó phải mới, phải bạo, phải dễ hiểu, phải thực-thà như một cô thợ hay một cô gái quê. Như thế nó sẽ giúp ích được cho sự phổ - thông tri - thức trong quần-chúng.

Như thế thì sự thắng lợi của văn thanh niên, của văn bình-dân ta phải kể là một cái triệu chứng đáng mừng. Vì một ngày kia, ai cũng ước mong rằng mỗi một trào lưu tư tưởng không những sẽ chỉ môn man một hạng thượng lưu nhân vật (*classe d'élite*) mà thôi, mà còn ảnh hưởng được đến anh cu chi thêm trong túp lều tranh bên bờ đê dốc.

Về « văn từ dẫn đi, đứng và sắc mà vẫn được dịp-dàng dễ nghe, ông Trảng Kiều đem hai bài thơ của Yên-Đồ tả cảnh mùa hè.

« Ai sui con cuốc gọi vào hè »
và « Tháng tư đầu mùa hạ »
so sánh với một bài thơ mới, đầu bài đề là « nắng hè » của Trương Bách.

Ông chỉ rõ rằng trong bài của nhà thanh-niên thi sĩ có những phẩm từ, trạng từ và những động từ dùng rất khéo, bạo, mới mà diễn đạt thực hết được những cảm giác của ta trước cảnh « nắng hè »

Ông lại cắt nghĩa những cú pháp rất mới mẻ trong bài đó.

Không phải nhà thơ mới — ông nói — có con mắt quan sát tinh vi, hoặc cảm giác mạnh mẽ hơn nhà thi-sĩ Yên Đồ đâu, Yên-Đồ rất có nhiều thiên-tài, nhưng tài đó vì bị những niêm, những luật bó buộc mà phải mờ tối đi...

--- Kết luận bài này — ông Trảng-Kiều nói — tôi muốn xét xem những công cuộc hô hào của thanh niên về văn học rồi có đứng vững và có sẽ đáng ghi vào cuốn « Việt - Nam văn-học sử » tương lai này không.

Từ khởi có quốc văn tới nay,

về văn xuôi, ta phải kể là thời kỳ luyện tập. Vì các sách về quốc văn, từ văn nghị-luận, phê bình, cho đến tiểu thuyết, phần nhiều chỉ là văn dịch. Nhưng, đến nay, với bộ Nho-giáo của Trần trọng Kim, cuốn phê bình và cáo luận của Thiếu - Sơn, những tiểu thuyết của Khái-Hưng, Thế Lữ thì chắc ai cũng nhận thấy sự khác biệt — khác biệt chứ chưa nói hơn kém, — rõ rệt so với các sách trong bộ « Nam Phong Tùng Thư » và « Âu Tây Tư Tưởng » rồi.

Về văn vần thì những thi sĩ thanh niên khác các thi sĩ từ Nguyễn khắc-Hiếu giờ về trước về mọi phương diện tư tưởng cũng như cảm giác và cách hành văn.

Đó thực là những triệu chứng cho ta dám quyết đoán rằng ta đã bước sang một thời kỳ văn học mới. Mà thời kỳ này, phải là thời kỳ của văn sĩ và thi sĩ thanh niên.

Sau một trận vỗ tay toán-loạn, ông Trảng Kiều lắc chuông lại lên diễn đàn, lần này ông đứng giới thiệu ông Vũ - Trang với các thính-giả. Kể đó ông nhường nhời để ông Vũ Trang nói về « Tinh thần khoa học ». Trong khi nói ông Trang có làm thực nghiệm (*expérience*) thối miên mà sai khiến một thính-giả ngồi ngay đấy.

Các thính-giả, đến 10 giờ rưỡi xong cuộc diễn thuyết ra về còn như muốn nghe hai ông giảng nữa về Văn học và Khoa học : hai món bổ ích cho quần-chúng quốc dân !

THI THI O A I

Năm 1931, nhân khi ở nhà vui thú điền viên, tôi có tổ chức ra một cảnh viên-lâm, để làm chỗ tiêu dao hôm sớm. Cái vườn ở phía trước thảo-trang, trừ ra giếng rất nhiều hoa và cây cối, lại có đắp một trái núi, gọi là Ngô-sơn, đào một cái khe, gọi là Đỗ-thủy, và dựng một cái đình, gọi là Hạo-nhiên-đình. Nhân thế, một ông bạn văn chí thân của tôi là Nguyễn Giác-Tiên (cùng làng), có đề tặng cho một bài thơ bằng chữ Hán, vịnh những phong cảnh trong vườn mới. Khi đưa tặng, ông Nguyễn bảo tôi dịch bài thơ ấy ra quốc văn. Tôi vâng lời, có dịch ra rằng :

*Giang hồ quen thú bấy nhiều niên,
Người vẫn bền nuôi khi « hạo - nhiên ».
Đứng đỉnh Ngô-sơn khi đợi nguyệt,
Xênh xang Đỗ-thủy lúc buông thuyền.
Tang thương cuộc mới đã như mộng,
Tùng cúc vườn xưa lại đỉnh duyên.
Tri kỷ còn nhiều phen hảo hội,
Thung dung so sẵn nước cờ tiên.*

Câu cuối cùng nói đến cờ, là vì tôi với ông Giác-Tiên hội ấy, hai người đều ham cờ cả, mỗi khi gặp nhau tất phải mở ra cuộc đánh cờ.

Năm 1929, trong bước phiêu linh, tôi có đến làm khách trọ mấy hôm tại làng Th. Đ. là một cái sơn-thôn thuộc về tỉnh Vĩnh. Có một ông đồ miên xuôi lên đây dạy học tư làm bạn cùng tôi; ông làm thơ chữ nho khá lắm, nhưng thơ nôm thì không biết làm. Thấy tôi làm thơ nôm nhiều bài nghe được, ông lấy làm thích, ngày ngày bắt tôi phải làm. Một hôm, cũng nhân ông nài, tôi có làm một bài thơ « Sơn-cư tức-sự »:

*Phương giới luân lạc khách vô gia,
Thấy cảnh riêng yêu cảnh mặn mà.
Bốn phía rừng treo tranh thủy mặc,
Một khu đồng vắng khúc nông ca.
Buốt thừng chú mục tung tăng chạy,
Nặng gánh anh tiều kiu kịt qua.
Lữ thứ ai buồn xin nhả nhủ,
Chung quanh này vẫn nước non nhà.*

Bài thơ này, ông Đồ lấy làm thán phục, khen là diệu bút; nhất là hai câu cuối, có ý yên ủi cho tấm lữ sầu của cả hai người, ông lại càng nức nở khen hay. Đến sau bài thơ này tôi chép vào trong quyển T. K. thi tập, bạn tôi là ông Giác-Tiên xem đến, chừng như ông cũng lấy làm được, nên có lấy bút đỏ phê vào cho bài này 4 chữ: « Tuyệt diệu hảo từ ».

Chả biết bài thơ ấy có hay thật không mà được mấy ông bạn quá khen làm vậy. Nhưng về phần tôi thì bài này giá có hay thật cũng còn có một chữ đáng bàn. Tức như chữ « vắng » ở câu thứ 4, tôi định nói là « vắng vắng » nghĩa là vắng vắng có tiếng những người nông phu họ hát. Thế nhưng chữ « vắng » ấy nó lại có thể nhầm ra có nghĩa « vắng lặng » (không có tiếng). Tôi muốn tìm chữ khác thay vào, mà chưa tìm ra được chữ gì.

Cũng trong hồi ấy, một hôm tôi cùng với ông Đồ nói trên, cùng đi chơi trong quăng đường rừng. Nhân cái áo the của ông Đồ rách toạc cả vai, ông đùa bảo tôi rằng :

— Áo rách rồi đây. Chúng mình đi xa, mỗi khi áo rách thì lại nhớ đến vợ. Tôi hỏi :

— Sao lại cứ khi áo rách mới nhớ đến vợ ?

Ông Đồ nói :

— Vì lúc ấy rất cần đến vợ và víu cho.

Rồi đó ông liền bắt tôi phải làm ngay một bài thơ, đầu bài là « áo rách nhớ vợ » và hẹn đi hết trái đồi phải làm xong bài thơ ấy. Nói rồi hai người đều không thể nhịn cười được, nhưng sau khi đi hết trái đồi, tôi cũng cố gắng làm thành bài thơ mà ông đã bách tôi. Bài thơ này vì làm vội vàng, nên chỉ đủ nhời đủ ý và có vẻ khôi hài mà thôi, chứ không có gì là hay; cũng xin chép ra đây để mua vui với các đọc giả.

*Giang hồ quá ngán phận long đong,
Nhớ vợ vì chưng áo rách tung.
Xệch xoạc buồn cho vai đạo đức,
Xa xăm thẩu chữa khách khuê phòng.
Xén tà khó nổi khâu may lấy,
Giật gấu nhờ ai vá víu xong ?*

VAN THO

HÁT BỘI

Tắc đất gây ra thành vũ trụ,
Một vai gánh nặng mấy cương thường.

NGUYỄN-THÁI-BẠT (1)

HỌA THƠ MỘT NHÀ NỮ - SĨ

Bài này nghe đầu của một nhà danh-sĩ nào họa của một nhà nữ-sĩ nào triều Lê. Tiếc vì không rõ nguyên văn ra sao, chỉ biết 2 chữ cuối cùng bên nguyên văn là viễn vông, nên họa - giả mới họa:

Đã quyết sắt son vững một lòng.
Cùng nhau ta hẹn đội trời chung.
Gái trai chia gánh vai non nước,
Mây gió thêm cao cánh học hồng.
Hồ thét rồng gầm dành có lúc,
Đông qua xuân lại biết bao cùng.
Này vòng cương tỏa mau toan gỡ,
Thôi chớ tìm tòi họa vận « vông ».

VÔ-DANH-THỊ

NHỚ BẠN

(Toàn bài không có câu nào không chời hai chữ đau ruột)

Tả chẳng ra cho, nói chẳng rồi,
Khối tình đau ruột lắm ai ơi!
Năm canh đi, đứng, ngồi sao được,
Sáu khổ xoay vò rồi mãi thôi.

1 Ông người Nghệ-An, đậu đình-nguyên.

(Tiếp theo cuối trang 4)

Thôi miễn thơn tho gìn giữ được,
Ai ơi « trần » lực mới anh hùng (1).

Bài thơ làm xong chúng tôi đều lẩn ra mà cười, làm cho mấy chú kiểm củi ở bên đồi tưởng chúng tôi là hai chàng hóa dại.

NGÔ-VĂN-TRIỂN

1) Sách nho có chữ « anh hùng trần lực », nói người anh hùng đem sức lực ra mà làm việc. Nhưng ở câu thơ này thì lại dùng theo nghĩa khôi hài, chữ « trần » đây định nói là trần mình ra, cởi trần ra.

Nói chuyện mua cười ra nước mắt,
Ngâm thơ giải trí toát mồ hôi.
Xôi chùa miệng lỗ, chàm tay nhúng,
Nông nổi cùng ai tỏ khúc nhôi.

VÔ-DANH-THỊ

(Ba bài trên do ông Nguyễn văn Đề sao lục)



ĐÁNH THỨC CON

Sao con ngủ mãi hời con ơi!
Mở mắt mà trông bóng mặt giờ.
Cao mấy ngọn tre còn chửa giậy,
Thôi con giở giậy, giậy đi thôi.
Thôi con giở giậy, giậy đi thôi,
Phần chi trẻ con gánh việc đời.
Bồn phận nam nhi là thế thế,
Này con, cha bảo phải nghe lời.
Này con, cha bảo phải nghe lời,
Tai mắt làm người há phải chơi.
Gìn giữ luân thường cho chọn đạo,
Đừng đen như mực, trắng như vôi.
Đừng đen như mực, trắng như vôi,
Chín chữ cù lao sánh bề giờ;
Cúc dục đèn ơn con phải nghĩ,
Há rằng; chữ hiếu thế mà thôi!
Há rằng; chữ hiếu thế mà thôi,
Giúp nước nên danh mới phải người!
Trung tín giữ sao cho được vẹn,
Anh em hòa mục chớ đơn sai.
Anh em hòa mục chớ đơn sai,
Coi tựa chân tay kéo thiết thời.
Chị ngã em nâng câu tục ngữ,
Vợ chồng tương ái mới là vui.
Vợ chồng tương ái mới là vui,
Một mực ân tình giữ hẳn hoi.
Hòa thuận trăm năm cho trọn nghĩa,
Còn như bằng hữu chọn người chơi.
Còn như bằng hữu chọn người chơi,
Ăn nói con đừng có dãi bôi.
Giữ lấy chữ tin làm nghĩa vụ,
Râu mày khỏi thẹn bóng gương soi.
Râu mày khỏi thẹn bóng gương soi,
Con giậy mà nghe hết mọi lời.
Kéo tiếng mĩa mai nuôi chẳng giậy,
Thời ra lỗi ấy ở cha lời.

ANH MÙ ĐI ĐƯỜNG CẨM HOÀI

Thế lộ đi tràn cóc sợ gai,
Cốt chân mình bước vững không sai.
Trông đời vắng vẻ đi đâu cả?
Đi mãi mà mình chẳng gặp ai?

PHƯƠNG GIANG KHÚC KỶ

BÁNH TRÔI NƯỚC

Mình tròn lòng lọc trắng phau phau,
Một tấm lòng son lại đỏ ngầu.
Nước lửa mặc dầu sôi với nổi,
Phải duyên thì vẫn dính cùng nhau.

ĐỀ NON BỘ KIỀU BÁN BÌNH

Chanh chanh nửa bức mọc tà tà,
Phong cảnh khen ai khéo đặt ra.
Nọ cõi Bồng Lai tiên ở đó,
Kia chùa cổ tích Phật không xa.
Ngu tiểu hề bạn cùng canh gác,
Cò cốc vui vầy với cỏ hoa.
Nhấn bảo trẻ chơi cho biết nhé;
Nước non này vẫn nước non nhà.

VÂN TRAI NGUYỄN-TẢO

Ở V. H. số 42 ra ngày 16 Juin 1934, trong mục «chuyện thú» có lục đề đọc giả xem hai bài thơ « tình » của ông Alfred de Musset và bà Georges Sand trao đổi cho nhau. Ngày ấy tôi chưa kịp dịch ra văn vần, nay tiếp được của ông Nguyễn v. Đề gửi bản dịch ấy ra nên cho đăng dưới đây để bổ khuyết vào mục đó.

K. S.

GỬI CHO GEORGES SAND

Khi nao non-nước thề bồi,
Nào khi lại muốn đòi lời nước non?
Nàng làm chi xiết nỗi buồn,
Muốn nói ra, cũng thẹn thường làm sao!
Cho nàng coi bấy nhiêu câu,
Nằm coi cho mấy chữ đầu câu cho.
Cùng nhau may tỏ tâm tư.

GIẢ LỜI CHO ALFRED DE MUSSET

Kim lang đã nói dám sai,
Dạ này đã thỏa, thừ chầy cũng cam.



Bản chí mới tiếp được quyền Tinh em (tập thơ) của ông Nguyễn Huệ Thủy gửi tặng. Sách dày 62 trang, khổ 11×16 giá bán 0\$20 và tờ báo *L'école indochinoise* (học báo xuất bản mỗi tháng hai kỳ) trong có các bài học về ban Cao đẳng tiểu học của một bọn các ông giáo tây soạn. Giá báo: 1 năm 2\$; 6 tháng 1\$50. Tòa báo ở số nhà 3 phố Rousseau, Saigon.

Xin vui lòng giới thiệu cùng các đọc giả

Bản chí lại mới được thơ của bà Thụy - An cho hay rằng đến 1er Décembre này, bà sẽ cho xuất bản ở Saigon một tờ báo mới mệnh danh là « Đàn bà mới ». Xin chúc cho tờ báo này ra đời được mọi sự tốt lành.

MỘT QUYỀN SÁCH
BẮT CẦN, NHÀ
NÀO CŨNG
PHẢI CÓ



Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn. Có cả các bài văn khấn và khoản thức biên gia phả. Lại có in sẵn nhiều trang để người nào có quyền này chỉ việc điền gia phả của nhà mình vào. dày gần 60 trang.
Giá 0 \$15 cước 0\$03.

GIA LỄ
GIÀN
YÊU

Bán ở Đông Tây ấn quán, 193, hàng Bông, Hanoi.

Vì một lễ riêng, kỳ báo này ra chậm mất hai ngày và bài « Đẳng vương các » định in ở số này chưa thể đăng được. Xin đọc giả lượng thứ.

TẬP 7 RỒI

Liếc mắt nhòm qua nước Mặt Giời Mọc

Kinh đô và hải-cảng mới

Ai cũng còn nhớ hồi cuối tháng Aoút năm 1923 một đại-nạn làm đổ nhào nước Nhật. Một cuộc động đất, ghê gớm nhất từ khi có lịch sử đến giờ, xô đổ một phần lớn thành Đông-kinh, (Tokio) và Hoành-tân (Yokohama) xuống biển. Tai-vạ không sao tính xiết được. Người chết kể có hàng ngàn.

Riêng một nơi kinh-thành (Tokio) người ta ghi : 200 ngàn nóc nhà bị tàn phá, 15 trăm ngàn người không có chỗ trú chân, và 75 ngàn người chết.

Còn hải-cảng (Yokohama) bị tàn phá một nửa, tính ra thiệt mất 75 ngàn nhân mạng.

Thế mà trong khoảng có 5 năm giới, người Nhật đã sửa sang lại, hơn nữa, là làm cho 2 thành phố ấy to lớn, đẹp đẽ gấp mấy ngày xưa.

Năm 1925, Đông kinh rộng có 30 hải-lý vuông. Bây giờ rộng được 200 hải-lý vuông.

Trong thành phố những con đường mới theo lối Mỹ thẳng băng, gầy góc, rộng rãi đã thay cho những con đường hẹp ngoằn-ngòe ngày trước. Đường rộng hơn 22 thước tây kẻ có hơn trăm, và hơn năm chục con đường rộng hơn 11 thước.

Ba nơi công-viên lớn giống đủ thứ cây, hoa làm cho thành phố đẹp đẽ, thoáng khí. Trong một số đó, có một công-viên rộng được hai trăm ngàn thước vuông, tức là 55, 56 mẫu ta.

Những nhà kiểu tân thời ganh đua trang điểm cho kinh-thành với những nhà kiểu nửa Âu

nửa Nhật. Có một cửa hàng lớn dựng được 4000 thợ làm.

Nhà ga chính trông chẳng khác gì một cái tổ ong khổng lồ 2, 3 chục tầng, có hàng muôn vàn cửa sổ.

Đông-kinh và Hoành-tân ngày nay nối liền nhau vì một con đường rộng thẳng, dài 30 cây số và một ngọn sông đào. Giữa đường, lại có một nơi công-viên lớn để làm vui mắt kẻ bộ hành mỗi chân.

Người ta còn đang định làm cho hai nơi đô hội ấy hợp làm một.

Người ta nói rằng : Kinh đô và hải cảng Nhật là những con phượng mới sinh ở năm xương tàn.

Thật vậy ! mới trong khoảng 5, 6 năm giới, mà trông kinh-thành Tokio và hải cảng Yokohama người ta phải nghĩ đến Washington và New York của nước Mỹ.

Việc học mới

Đừng tưởng nước Nhật bản chỉ là một nước thượng võ.

Trong khi chế máy bay, luyện binh mã, nước Nhật vẫn sẵn sàng đến sự học của quốc dân.

Hiện nay người ta tính có đến hơn mười triệu học trò các trường trung học

Gần đây, xuất hiện nhiều trường học chuyên môn mới, như ở các nước Âu, Tây.

Nào trường thương mại, trường hóa học, trường bào chế, trường tầm tang, trường thảo mộc, trường ngư phủ, trường điện học, trường canh nông, v.v..

Mấy năm nay lại có cả trường dạy khoa báo chí nữa.

Việc vũ bị và môn thể thao ở trường nào cũng có đây.

Chớp bóng và vô tuyến điện

Chớp bóng và vô tuyến điện được dân của Hoàng đế Minh-trị ham chuộng một cách lạ lùng.

Cái tính thích xem màn ảnh và nghe vô tuyến điện truyền thanh của dân Nhật đã như là một cái "mốt" vậy.

Ngày nay, ở nước Nhật có tới sáu mươi ngàn nhà chớp bóng và rạp hát.

Người ta cũng thích xem những phim "Les Misérables" "Salambo" hay "La ruée vers l'or" như dân Nữ Ước và dân Ba-Lê. Ngoài ra lại có những phim mới phỏng truyện cổ anh hùng Nhật bản rất có vẻ đặc sắc.

Một bọn học giả du học ở Ba-Lê, Nữ Ước và các đô hội khác về, là những môn đồ các nhà văn sĩ tiểu thuyết Pháp, Anh, Nga, Đức v.v. đem hết tâm lực vào việc cải cách nghề tuồng, kịch và "ciné"

Cái tính nghiệm vô tuyến điện truyền thanh của người Nhật càng ghê nữa.

Gần khắp nơi trong nước, nơi nào cũng có đặt máy vô tuyến điện và hàng triệu người chơi về vô tuyến điện truyền thanh.

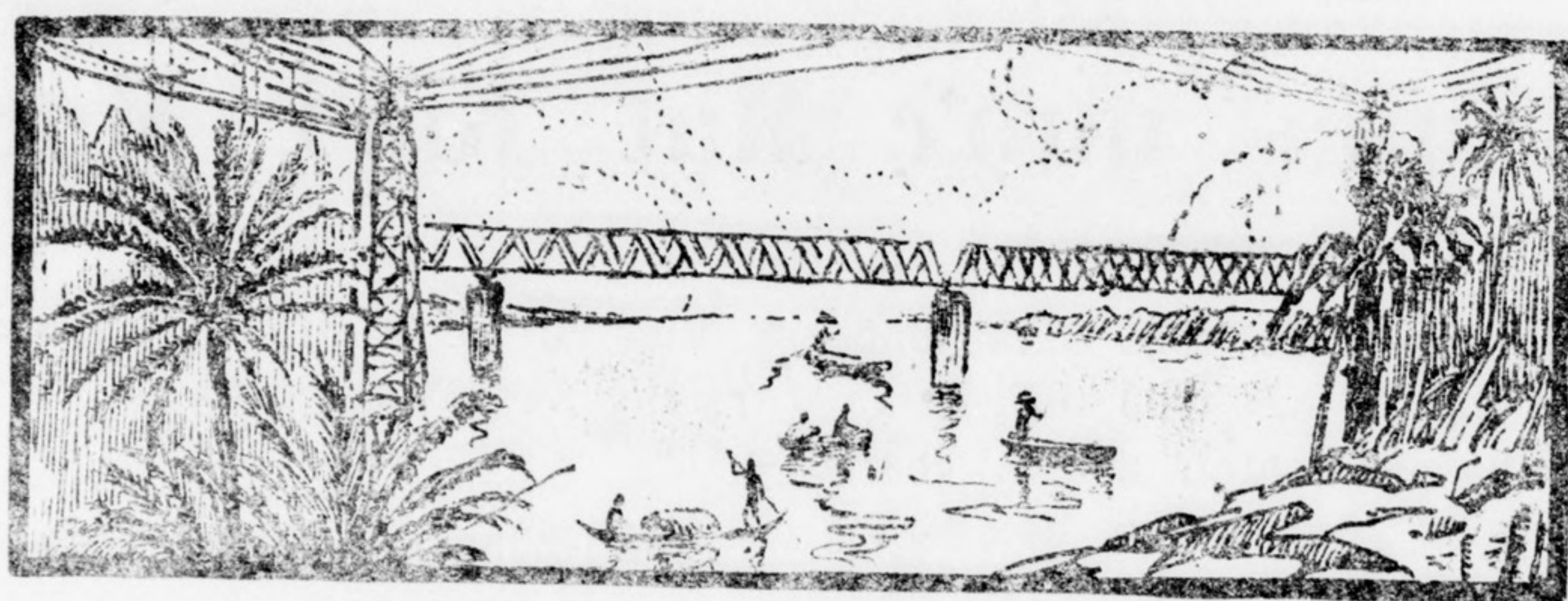
Ta chỉ xem mấy con số này cũng đủ hiểu người Nhật đối với vô tuyến điện thế nào :

Tokio 264.000 bộ máy vô tuyến điện truyền thanh

Osaka 90 000

Nagoya 51.000

Có tới 3 tờ nhật-báo (hàng ngày) và 10 tờ tạp-chi làm cơ quan hướng-truyền và cổ động



TIN TUC THE GIOI VA VIÊC TRONG NUOC

Lại vụ biển thủ nữa ở Pháp

Vụ Stavisky chưa kết liễu, thì vừa đây, ở Pháp lại mới vỡ lở một vụ biển thủ khác to hơn vụ kia nhiều vì số bạc gian lận tới hàng nghìn triệu quan. Thủ phạm là hai anh em Lévy nhà tài chính rất có thế lực ở Pháp.

Ở Tàu có lệnh cấm giồng cây nha phiến

Tướng giới Thạch vừa hạ lệnh cấm không cho giồng cây nha phiến. Ai không y lệnh sẽ bị trừng phạt rất nặng.

Sẽ lập nhà máy phơi và chọn ngô ở Haiphong

Ngô của ta mấy năm trước bán sang Pháp được giá rất hời,

(Tiếp theo trang trên)
riêng cho vô tuyến điện truyền thanh.

Chắc rằng chẳng bao lâu nữa ở Ba-Lê và Luân-đôn người ta sẽ nghe được những lời nói, động hát ở Tokio và Osaka, nhờ có những bộ máy vô tuyến điện truyền thanh một ngày một mạnh!

Ngần ấy cái cũng làm cho dân nước « mặt giới mọc » văn minh hơn ta rồi!

LÊ-VĂN-HOÈ thuật

tới năm nay, giá sụt hẳn xuống, nguyên cơ chỉ vì ngô sang tới Pháp hỏng quá nửa, các nhà xuất cảng tham lợi nhiều cho tải sang bán những thứ ngô còn ướt và lẫn nhiều chất bẩn. Bởi vậy quan Thống-Sứ Bắc-kỳ đã lập một hội đồng xét việc này. Sau 4 tháng làm việc, hội đồng đã định các phương pháp mua bán ngô của dân chúng, có các quan đầu tỉnh kiểm soát và định sẽ đặt ở Haiphong một cái máy làm cho ngô khô và phân ngô ra hạng tốt hạng xấu. Cái máy này giá chừng 35000 đồng. Số tiền ấy sẽ vay của Nông phố Ngân hàng. Sau khi đặt máy làm việc sẽ giao cho phòng Thương-mại Haiphong trông nom.

Các nhà xuất-cảng mang ngô tới chọn hay phơi sẽ phải trả thuế 0\$01 một trăm cân tây.

Những điều dự định này, chỉ còn đợi quan Thống-Sứ xét rồi cho thi hành.

Dân thành phố Hanoi phải đóng thuế cư trú chăng?

Thành phố Hanoi đã dự định đặt ra thứ thuế cư trú (taxe de résidence) đánh cả người Tây lẫn người Ta. Riêng về người Nam ta thì tùy theo tình cảnh từng người mà đánh. Như hạng lao động, cu-li, v. v. thì chỉ phải đóng

có 0\$50 thôi. Còn các người buôn bán hoặc làm việc các công sở thì phải đóng 2\$50. Bản dự án này sẽ đem ra Đại hội đồng quyết định nay mai.

Một đạo nghị định về tiền án phí

Khoản 116 của nghị-định ngày 16 Mars 1910 về thủ - tục theo trước các tòa án Tây xử theo luật bản xứ, nay bổ khuyết thêm vào như sau này :

« Nếu người có kiện không nộp ngay tiền lệ phí và số tiền tính ra cần vào việc kiện, theo như khoản 20 nghị định ngày Aout 1933 thì đơn chống án sẽ không thể nhận được và viên lục-sự sẽ chẳng ghi lời khai ».

Hội - chợ Hanoi

Hội chợ Hanoi năm nay mở lần này là lần thứ 12. Hôm nay thứ bảy đã khánh thành. Hội chợ mở từ nay đến 9 Décembre 1934.

Các bà

Các cô

nhớ coi

QUYỀN

NAM QUỐC NỮ LƯU

星 天 日 月

CỦA ĐÔNG

SỞ - CUỒNG LE - DU

X

86 trang Giá 0\$15 Cước 0,06

Mua một quyền gửi bằng
timbres postes nhớ thêm 0\$06
tiền cước cũng được cho

ĐÔNG - TÂY ẤN - QUÁN
193, phố hàng Bông, 193

HANOI

KHÔNG MỘT TIẾNG VANG

DÂN SINH BI KỊCH 3 HỒI của VŨ-TRỌNG-PHỤNG

(Tiếp theo số trước)

ANH CẢ — Thôi đi, đừng đồ tại giới. Giới nào? Chẳng qua chỉ tại ông, ông có biết không? Gặp ngày giỗ tết, trong khi ông mời họ hàng, bè bạn nâng đũa gặp món cao lương mỹ vị, ông có nghĩ đến biết bao nhiêu người đang lăn lộn kêu gào vì đói khát không? Những khi giới đông tháng giá, nằm kín mít trong đồng chăn, màn, ông có thêm nghĩ đến biết bao nhiêu người đang bơ vơ nơi đầu đường xó chợ, khốn khổ vì rét buốt nhưc sương không? Những khi nhưc dầu sỗ mũi qua loa, ông cũng dùng cao dùng quế, ông có thêm nghĩ đến biết bao nhiêu người đang sống dở, chết dở, ốm ngặt ngoải mà vẫn phải lê đi cùng đường mong kiếm lấy miếng cơm không? . . Không không, dám chắc là không. . . Vì lúc ông sướng thân ông thì ông tưởng ở đời không ai khổ cả . . . Đây cái nghèo cái khổ đây, ông đã biết chưa? . . . Ha ha ha ha!!! (khanh khách cười như một kẻ điên) Vì xưa kia ông vẫn phong lưu, ông vẫn phong lưu nên ông chẳng nghĩ đến ai, bây giờ ông thế này, ông tưởng có người nghĩ đến ông chắc? . . Đáng kiếp cho ông lắm, tôi thật lấy làm bằng lòng . . . Ha ha ha ha . . . (chạy vào bếp, cầm một gáo nước ra, ngửa cổ nốc một hơi giải).

CHỊ CẢ — Giới ơi, chồng tôi điên rồi . . . Điên thật rồi!

ÔNG LÃO — Đừng hỏi gì đến nó nữa mà nó đâm ra nói quẩn. Cứ để nó ngồi yên đấy cho nó được tỉnh tâm đi . . .

ANH CẢ — (Ngồi xuống phản chờ đàn như mất trí khôn) Đừng hỏi thì thôi, Ai cần gì? . . . (phục mặt xuống đầu gối).

ÔNG LÃO — (hỏi nàng dâu). Thế nhà bác nào đã cấp vốn cho con ấy, liệu có giúp đỡ được con nữa không?

CHỊ CẢ — Thầy tính xưa nay đã vay mượn của chị ta nhiều lắm rồi, đã trả được đồng nào đâu mà dám hỏi nữa. Vả lại tình cảnh chị ta

cũng vất vả lắm. Buôn bán thì cũng buổi được buổi cái như con, chồng làm phu kíp, lương tháng đã chẳng đủ ăn, lại thêm một nách ba đứa con mọn mà cứ sai đến thuốc thang luôn, lo ăn cũng đủ méo mặt đi rồi . . . Nợ người ta mình đã không trả giúp được thì thôi chứ lại đến quấy rầy nữa thì ngượng lắm . . .

ÔNG LÃO — Thế chốc nữa lão Thông Xạ nó quay xe lại thật thì biết nói thế nào với nó đây? . . . Xưa nay khát quanh khát quẩn, bây giờ có nói thật người ta cũng chẳng cho là thật nữa . . . lão ta mà thắng cánh cho thì nguy . . . Đã đến lúc cùng, thôi thì hai con nghe thầy, nên tránh mặt nó đi, cứ để thầy ở nhà một mình, thầy tìm cách khát khứa với nó, họa may nó thấy mù lòa, ốm yếu, nó có động lòng thương chăng . . .

CHỊ CẢ — Lão ấy nó còn thương ai . . . Nếu nó có lòng thương người, nó đã chẳng sử với mình đến thế.

ÔNG LÃO — Chả hơn cả ba bố con ngồi trơ mắt ra đây mà tiền không có trả nó, để điên-tiết lên nó thẳng tay quăng đồ đạc ra đường hoặc gọi đội xếp thừa bắt hai chúng mày về bóp thì có phải khổ cả không? . .

CHỊ CẢ — Nào, thế cậu định ra sao đây?

ANH CẢ — Định à? . . Chỉ còn một sống một chết, muốn đảng nào thì muốn, chứ sống ngặt ngoải thì không nên sống.

CHỊ CẢ — Ô hay?

ANH CẢ — Bàn đến kế tránh mặt nó đi là không xong rồi. Liệu có tránh được mãi không? . . . Để nó không biết lòng đến tận sở tôi nó tìm đây . . . Dẫu nó không thừa để mình phải vào bóp mà chỉ vút đồ ra đường, thì, tôi cũng không còn bụng dạ nào làm ăn gì nữa . . . Ruột gan tôi có phải là sắt đá đâu? . . . Giới ơi, nghĩ đến vợ đang rất bố lòa lang thang đầu đường sọ chợ mà lại vẫn thản nhiên đi làm . . .

đi làm để cho thằng khác ăn ... Có là con vật không thương yêu ai, dai như chó thì mới thể được. Mà đi làm về thì ăn vào đâu ? Không được ăn mà vẫn đi làm à ? Đây này : tôi bây giờ chán cả mọi sự rồi, đi làm tôi cũng không thiết nữa. Phải biết thời buổi này mới được. Tôi mà vô gia cư, tất không thoát tù tội. Vợ tôi mà vô gia cư, tất không thoát được lục si. Ông mà vô gia cư, rồi người ta sẽ nhét ông vào với bọn ăn mày ngoài ô. Thử trông xem : hình dung tiêu tụy thế kia mà định chống gậy lăm mò đi tìm con, gặp đội xếp liệu họ có tha không ? Sống ngắc ngoải thế này mà vẫn còn tưởng sống ...

CHỊ CẢ — Nòng nôi đã đến thế này, chẳng nhẽ cứ để mặc nó muốn nghiêng thì nghiêng, muốn ngửa thì ngửa, đành bó tay chịu chết ?

ANH CẢ — Nếu có gan mà cả ba bố con cùng thất cồ chết quách đi thì may lắm, thoát được nợ đời thì sung sướng lắm. Khốn nhưng nói đến cái chết thì nói xuống được chứ ai mà không sợ chết ? Sống ngắc ngoải không sống được, chết cũng không chết được, sao lúc tôi cầm dao đi tìm cách sống mà lại ngần ? Đã đến lúc thế này mà không biết soay, lại còn sợ phạm vào luật pháp với nhân đạo nữa à ? Nhân đạo với luật pháp !!! Nhân đạo là cái gì ? Mà cái gì là luật pháp ???

ÔNG LÃO — Thôi, con đừng nói nữa mà thầy đau lòng, con nên nghĩ lại một chút. Nhà ta tuy xưa nay không được giàu sang nhưng cũng là có nền nếp, lễ nghĩa. Con nghĩ đến ông bà, con nghĩ đến thầy để, con nghĩ đến họ hàng, quen thuộc thì con có cam tâm dúng tay vào những việc ấy không ? Đừng nói quần, nghĩ quần, làm quần thế mà rồi có phen hổ thẹn với lương tâm, nếu không tránh khỏi luật pháp, rồi lại hối bất cập ...

ANH CẢ — Đến thế này mà còn kể đến lương tâm với luật pháp ... Luật pháp không đáng trọng mà đáng khinh, vì xưa nay luật pháp chỉ biết trừng-trị kẻ làm càn chứ chẳng biết đến những nguyên do nó buộc người ta phải làm càn ... Lương tâm không nên giữ mà nên bỏ vì sống vào giữa cái xã-hội không có lương-tâm, nếu mình khư khư giữ lấy lương tâm thì không sống được ... Đã gọi là người thì ai cũng có quyền sống như ai. Nếu mình bị kẻ

khác chiếm mất, thì dù ngọt, dù đắng, dù quay quắt, dù chính đáng, mình phải biết dùng mọi cách đòi lại cái quyền sống ấy cho kỳ được, vì chính đó là lẽ công bình ... Ông thử tính xem : buôn bán thì đến con vợ tôi là cùng chứ còn thế nào ? đi làm thì nhục nhã đến như tôi là cùng chứ còn thế nào ? ... Thế mà, họ có muốn cho mình ăn ở lương thiện đâu ? ... Xuốt một tháng giới đầu tắt mặt tối mới lĩnh được năm đồng bạc mà nó lại cướp cơm chim như thế, lương tâm của nó dân nào ? Nó đồ thúng hàng của người ta xuống đường sắt như thế, lương tâm của nó đâu nào ? Mà đã luật-pháp nào biết đến những việc ấy chưa ? Tôi nói thế là ông đủ hiểu : sống phải cái thời buổi chó má này mà hiền lành quân-tử thì không sống được. Lắm cảnh như mình đây thì phải soay. Non gan thì ăn cắp vặt, già gan thì ăn cướp, giết người, chúng nó đã không muốn mình được làm ăn lương-thiện, có ngu gì mình lại cứ để chúng thành-thời riêng hưởng-thụ ? ...

CHỊ CẢ — Này cậu, khổ thế này chứ đâu khổ nữa cũng không thể nói như cậu được. Cậu thử tính xem : thầy để tôi chẳng may mất sớm, tôi phải lương nhờ vào cửa một bà di, tôi thật chưa hề được biết cái hạnh phúc ngày nào, thật quá từ lúc lọt lòng đến nay là 19 tuổi. Khi thầy để đến đám tôi cho cậu, tôi cũng mừng thầm được thầy để là người hiền lành, được cậu là người có hạnh, cửa nhà tuy chẳng giàu có cho lắm nhưng cũng không đến nỗi thiếu ăn, tôi cũng chắc khỏi vất vả đến thân cho lắm. Tôi về với cậu chưa được hai năm thì nhà ta bị cháy, chẳng may cho để đến nỗi thiệt phận mà thầy thì lòa cả hai mắt. Từ đấy bố con lưu lạc, vận hạn mãi đến giờ ... tuy rằng khổ sở thật nhưng rau cháo no đói có nhau, được thầy là người biết thương con, cậu là người biết thương vợ nên tôi vẫn bám bụng chịn thương chịu khó, chỉ mong được một ngày kia, giới nghĩ đến, vợ chồng được mát mặt là tôi mừng. Thật quả tôi năm nay ngót 20 tuổi đầu mà chưa được biết mùi sung sướng thế nào ... Cậu thử nghĩ xem : trong 20 năm giới đầu tắt mặt tối, ăn bữa này, lo bữa mai còn khổ sở đến thế nào nữa ? Sao tôi vẫn giữ được tấm lòng trong sạch, không bao giờ phải thẹn với lương tâm. Những lúc đường vắng canh khuya, tôi ôm thúng hàng leo đèo từ ga

về đây, kẻ gặp biết bao nhiêu người giảng hoa tròng ghẹo, lắm khi bọn phu xe họ ước hỏi ngay vào giữa mặt là có đi năm đồng, ba đồng, kiếm tiền như trở bàn tay, đem về ăn sung mặc sướng... Sao tôi không nghe họ? Vì dụ tôi nghe họ, liệu cậu có biết được không?... Vì tôi không thể nào lừa dối cậu, lừa dối lương tâm tôi được. Cậu thử nghĩ xem; tôi ăn ở hết lòng đến thế nào mà bây giờ cậu nói đến cậu nên khinh luật pháp, nên bỏ lương tâm!!! Vì đồng tiền mà cậu định đem thân ra làm những việc xấu xa, cậu có muốn cho vợ cậu cũng xấu xa, đi làm đi kiếm tiền về nuôi cậu, nuôi thầy không?

ÔNG LÃO — Thôi, chẳng qua là mày uất ức quá nên nói quẩn thế, chứ bố con mình xưa nay ăn ở hiền hậu mà còn cứ vận hạn mãi thế này, nếu lại làm đến những việc trái đạo thì còn giới nào chứng cho nữa?

ANH CẢ — Thế này thì tôi chết mất... Chỉ còn có bố với vợ là thân yêu nhất đời thì bố không hiểu bụng cho con, vợ chẳng hiểu bụng cho chồng, nói mãi từ lúc về đến giờ, khản cả cổ rồi mà vẫn không ai nghe ra. Giới, Phật nào bây giờ? Làm gì có Giới, làm gì có Phật nào bây giờ?... Ăn ở hiền hậu mà cứ vận hạn mãi... Đến thế mà còn tin được Giới, Phật nữa à? (thất vọng). Thế này thì tôi sống cũng như tôi chết, tôi có bố có vợ cũng không hơn gì tôi có độc. Giới, Phật có để làm gì, hở?... Có phải để chỉ làm bù nhìn mặc cho loài người chúng nó ăn thịt nhau, thẳng nào xỏ lá, bắt nạt, lắm ngón xoay tiền thì được vợ đẹp con khôn, lên xe xuống ngựa; còn người hiền lành thực-thà thì bị lợi dụng, bị đè nén, bị hất hủi, kiếm chẳng đủ áo mặc cơm ăn, có phải không? Có Giới có Phật mà đến thế à? Không có Giới, Phật nào cả. Hoặc có Giới, có Phật nhưng Giới, Phật không đủ quyền phép thiêng liêng, không công minh, không đáng cho ai kính thờ!... Bây giờ ấy à? Chỉ có đồng tiền là Giới, là Phật, chỉ có đồng tiền là đáng kính thờ vì nó sai khiến được mọi người, ai ai cũng phải kính thờ nó mới sống được. Lương tâm à? Còn thua đồng tiền. Luật pháp à? Chưa bằng đồng tiền... Giới Phật à? Còn kém đồng tiền, chỉ có đồng tiền là ai cũng phải kính thờ, chỉ những cách xoay tiền là đáng cho người ta tụng niệm... Xoay

đi đã bao giờ không tránh khỏi lưới pháp luật, lúc ấy hãy hay...

CHỊ CẢ — (riêng) Thôi (rời thở dài).

ÔNG LÃO — Thôi con ạ. Con nói thế thầy đủ hiểu rồi. Thầy thật tiếc xưa kia con hiểu thảo ngoan ngoãn bao nhiêu, chỉ vì học hành chẳng được đến nơi đến chốn mà bây giờ khôn chẳng ra khôn, dại không ra dại, ăn cần nói rõ, báng bô cả thiên địa, quỷ thần, khinh nhờn cả luật-pháp quên bỏ cả lương-tâm... Thầy chỉ trông cậy vào có một con, mà nay con dở chứng ra thế thì thầy cũng đành chịu, con muốn nghe thầy hay không, tùy con, chứ thầy mù lòa ngồi một xó thế này, ai khinh thầy mà chẳng được:

ANH CẢ — (tức cực điểm) Ô hay: Thế bảo làm thế nào bây giờ? Làm thế nào cho nó khỏi quăng đồ đạc ra đường? Làm thế nào cho ngày mai có được miếng cơm? À, được rồi, ông không muốn để tôi xoay tức là nếu nó đến, nó có đi thưa thì ông vào bóp đấy nhé. Ông cứ việc vào bóp mà ngồi...

ÔNG LÃO. — Này Thuận, con đã cố tình đến thế, thầy còn biết nói làm sao?... Gặp cảnh ngộ này, có lẽ không tính như con cũng không xong được. Nhưng có một điều thầy dặn, con nên nghe thầy: con đi đâu thì đi, làm gì thì làm, nhưng không cần... đến thầy làm gì nữa. Rồi mà... (bỗng ôm bụng nhăn nhó, gục xuống).

CHỊ CẢ — Chết chưa! Thầy, thầy đau ra làm sao?

ÔNG LÃO — Không, không việc gì, thầy chỉ thấy cồn ruột một tí. Con ơi, có lẽ con cũng đến phải nghe những lời chồng con nó nói vậy con ạ. Hay nếu con không muốn nghe nó thì phải thu xếp tìm về với bà đi con mà nương tựa cho qua ngày. Còn thầy đây, thầy cũng không mong gì sống nữa (bỗng lả người đi như muốn ngã, nước rãi ở miệng chảy ra giòng giòng) Ái chà... Ái i i i!!!

ANH CẢ — (dỡ bố, nhăn nhó).

ÔNG LÃO. — (không nói được nữa chỉ kêu) Ối Giới ơi, để tôi chết đi cho rảnh, cho tôi chết đi!...

CHỊ CẢ — (tắt lửa vào bếp, xách rá một chiếc chậu thau) cậu cứ ở nhà với thầy, tôi chạy đi đàng này một lát.

ANH CẢ — Định xách chậu đi đâu đấy?

CHỊ CẢ — Để lại cho bác phó Hôm nọ sang chơi, bác ta có ý muốn mua lại, bây giờ để tôi đem sang lấy vài hào về mua bát cháo với lọ dầu cho thầy. Thầy bảo còn ruột chắc chỉ vì đói quá (lật tả ra đi).

ANH CẢ — Này, gớm! . . . Người ta bảo đã mà lại. Lúc ấy tôi vừa tạt vào chơi bên ấy rồi. Hiện bây giờ, thằng bé con đang lên sỏi, hai vợ chồng chạy thuốc đã méo cả mặt, mua bán gì? Chính tôi cũng còn nợ người ta năm hào mà chưa trả được, lúc này phải vào khất đấy...

CHỊ CẢ — (thất vọng chờ đợi cả người, ra ngồi đắp chiếu cho bố)

ÔNG LÃO — (nằm trong chiếu, vẫn quần quai kêu rên) Ồi giời đất ơi, Ồi giời đất ơi! .

CHỊ CẢ — (ưa nước mắt, vùng đứng lên rào bước ra, đến cửa, dừng chân ngẫm nghĩ một lát, rồi quay lại nhìn đến đồng chiếu ông bố) Cũng đành liệu một phen! . . (đẩy tung cửa ra đi).

Sen 2

Bớt anh cả Thuận

CHỊ CẢ — (đang gục mặt ngẩng lên nhìn rồi hốt hoảng, vùng dậy chạy theo) Giời ơi! . . . Cậu lại định đi đâu . . . Cậu! . . . Cậu!!! Giời ơi, thầy ơi thầy, rõ khổ chưa! . . .

ÔNG LÃO — (tung đồng chiếu ra lật đặt ngồi lên gọi) Ồi Cả! . . . Ồi Thuận!!! (vùng lên chạy ba bước, rồi lả người đi) Con, mau chạy theo gọi nó lại cho thầy (ngã gục xuống đất).

CHỊ CẢ — (nửa muốn chạy đi gọi chồng lại, nửa muốn nâng bố lên, luống cuống, sau cùng thì quay lại đỡ bố) Thầy ơi, thầy ngã có đau không? Rõ khổ!

ÔNG LÃO — (khắc khừ, lắc đầu, lả người đi trong hai cánh tay con dâu).

CHỊ CẢ — (tay run lẩy bầy, hết sức riu bố, dặt vào đến chỗ cái chõng tre để cho ông lão ngồi được yên thì lả xuống cạnh đấy bất tỉnh nhân sự).

HA MÀN



HỒI THỨ BA

Sen 1

CHỊ CẢ — THẦY THÔNG

(Màn mở, ông lão nằm trong đồng chiếu đã ngủ yên. Chị Cả ngồi gục đầu bên ngọn đèn con . . . Nét mặt buồn rầu. Chợt có tiếng gõ cửa. Chị Cả biến sắc mặt, rón rén ra mở. Thầy thông Xạ, mặt đỏ gay những rượu, ngả nghiêng bước vào).

THÔNG XẠ — (lè nhè) Thế nào? Chồng nhà chị đi làm về chưa?

CHỊ CẢ — (ấp úng) Thưa ông . . .

THÔNG XẠ — (bước đến gần chị cả) Thưa gửi cái gì? . . .

CHỊ CẢ — (rất lùi) Thưa ông nhà tôi chưa về.

THÔNG XẠ — (vội tay gheo) Thế à? . . .

CHỊ CẢ — (rất lùi) Ô hay! . . .

THÔNG XẠ — (vừa ngượng vừa nói). Sao ông lão ấy lúc này dám bảo độ 9, 10 giờ thì nó về? . . . (xem đồng hồ). Đây này, 12 giờ rồi, chị có biết không?

CHỊ CẢ — (không biết đáp ra sao, chị đứng cúi mặt).

THÔNG XẠ — À . . . Chị này khinh người tệ nhỉ . . . Chị không thêm đáp lời tôi phải không? (bước ra chỗ ông lão nằm, toan lật chiếc chiếu).

CHỊ CẢ — (vội chạy lại níu tay) Con xin ông.

THÔNG XẠ — (nhại giọng chị cả lúc trước) Ô hay?

CHỊ CẢ — Thầy con ốm đã ba hôm nay mà chưa được giọt thuốc nào cả, vừa chợp mắt được một tí, con xin ông . . .

THÔNG XẠ — Chị nói mới dễ lọt tai chứ . . . (lật chiếu).

CHỊ CẢ — (quì xuống đất, ngăn thầy thông lại, giơ tay lên, giọng thỏn thức) Con xin ông, ông thương đến kẻ nghèo một chút, con nhờ . . . Con lạy ông.

THÔNG XẠ — Này thương! (nhắm tay chị cả lẳng một cái).

(Còn nữa)

DANH NGÔN TRÍCH DỊCH

Je sais une petite fille de neuf ans plus sage que les sages. Elle me disait tout à l'heure : « On voit dans les livres ce qu'on ne peut pas voir en réalité parce que c'est trop loin ou parce que c'est passé. Mais ce qu'on voit dans les livres, on le voit mal et tristement Et les petits enfants ne doivent pas lire des livres. Il y a tant de choses bonnes à voir et qu'ils n'ont pas vues : les lacs, les montagnes, les rivières, les villes et les campagnes, la mer et les bateaux, le ciel et les étoiles ! »

Je suis bien de son avis. Nous avons une heure à vivre, pourquoi nous charger de tant de choses ? Pourquoi tant apprendre, puisque nous savons que nous ne saurons jamais rien ? Nous vivons trop dans les livres et pas assez dans la nature, et nous ressemblons à ce niais de Plin le Jeune qui étudiait un orateur grec pendant que sous ses yeux le Vésuve engloutissait cinq villes sous la cendre.

Le mal est nécessaire. S'il n'existait pas, le bien n'existerait pas non plus. Le mal est l'unique raison d'être du bien. Que serait le courage loin du péril et la pitié sans la douleur ?

Que deviendrait le dévouement et le sacrifice au milieu du bonheur universel ? Peut-on concevoir la vertu sans le vice, l'amour sans la haine, la beauté sans la laideur ? C'est grâce au mal et à la souffrance que la terre peut être habitée et que la vie vaut la peine d'être vécue ...

ANATOLE FRANCE

(Jardin d'Epicure)

Tôi được biết một đứa bé lên chín khôn hơn các nhà hiền triết. Lúc nấy nó bảo tôi rằng : « Người ta thấy ở trong sách những cái mà kỳ-thực người ta không trông thấy được vì rằng xa quá hoặc vì rằng đã qua. Còn những cái người ta trông thấy được ở trong sách thì trông lại sai và buồn. Bởi vậy trẻ con không nên đọc sách. Biết bao cái hay đáng xem mà trẻ con chưa được xem ! nào hồ, nào núi, nào sông, nào thành-phố với nhà quê, nào biển với tàu, nào trời với sao ! »

Tôi đồng ý với con bé ấy. Ta sống chả được bao lâu, tội gì đã mang lấy nhiều cái ? Học làm gì cho nhiều, vì ta cũng biết rằng chả bao giờ ta biết được tí gì cả ? Ta sống ở trong sách vở nhiều quá mà sống ở trong trời đất ít quá, chả khác nào chàng Plin le Jeune (1) gần kia, đương khi núi lửa Vésuve (2) vùi năm thành phố xuống dưới gio, còn cứ nghiền-ngắm một nhà hùng biện Hy-Lạp.

Cái dở là cần. Giá không có cái dở, cũng không có cái hay. Sở dĩ có hay, chỉ vì có dở. Can đảm mà không có nguy hiểm, thương sót mà không có đau khổ thì còn có nghĩa gì ?

Giữa chốn ai nấy đều sung sướng thì tận - tâm, với hi-sinh, thành ra thế nào ? Nếu không có ác không có ghét, không có xấu thì liệu người ta có hiểu được thế nào là thiện, là yêu, là đẹp chăng ? Sở dĩ trái đất còn ở được và đời người còn đáng sống là nhờ có cái dở và cái khổ ...

Hải-Lượng dịch

1) Một văn-gia ở La Mã (62-120).

2) Tên một trái núi lửa ở nước Ý Đại Lợi.

MỚI XUẤT BẢN

120 BÀI HỌC THUỘC LÒNG

ĐỀ DÙNG Ở LỚP DỰ BỊ VÀ ĐỒNG-ẤU CÁC TRƯỜNG SƠ - ĐẲNG PHÁP VIỆT

120 moceaux de Récitation Annamite

à l'usage des élèves des cours Préparatoires et Enfants des Écoles primaires
par TRẦN LẬP TRÁC Instituteur

Dày 70 trang — GIÁ : 0\$25 — Cước thưởng 0\$06

Gửi cho nhà in Đông Tây, 193, phố hàng Bông — Hanoi

Các ông giáo mua từ 10 quyển trở lên xin biểu thêm một quyển

CÁI THÚ CON NHÀ VĂN



III

Một hôm, nhân thấy cô Võ-thị-Ngô (người huyện Cau-Lộc, tỉnh Hà-Tĩnh) đứng ngoài ngõ lao. Ông Ngô-gia-Hữu tức cảnh ra:

Cô Võ-thị-Ngô đứng ngoài cửa ngõ.

Nói chưa dứt lời thì vừa ông đề lao từ đâu bước vào, đứng ngay cạnh chỗ ký-giả ngồi. Giây phút ông đi ra, ký-giả cười mà rằng: «Tôi vừa đối đó!» Ông hỏi: sao? Ký-giả: «thì vừa tức mục:

Cậu Nguyễn-văn-Đề ngồi bên quan đề.

Cô đối cậu, đứng đối ngồi, cửa đối quan, (đối tiếng) đối gì nữa!» Ông cười...

Lại một hôm, ông Nguyễn-Thốn (người Trong-thôn phủ Quảng Trạch) ra:

Năm hút thuốc coi sách thuốc.

Ký-giả đối liền:

Ngồi ăn chè uống nước chè.

Lại một hôm, ông Nguyễn-Lung (người Kỳ-Anh tỉnh Hà-tĩnh) ra:

Khí đất độc địa.

Ký-giả đối liền:

Chim trời huyên thiên.

Đọc đến đây, hân đọc-giả sẽ hỏi: Sao rành mình đối của người, không thấy người đối của mình? - Thừa có! Một hôm, giờ vừa rạng đông, ký-giả cùng ông Đ.X.H. ngồi trong cửa sổ trông sang cái ngục tối bên tả, thấy một tên lính bắc thang lên tắt ngọn đèn tây, đã thấp trên tường trong lúc ban đêm, ký-giả tức-mục ra:

Vùng đông đã rạng, bắc thang lên tắt ngọn [đèn tây.

Ông đối:

Ai khôn làm giàu, tốn kém cũng nên nuôi [lợn cắn.

Thế là câu ra lấy chữ trong tứ-phương: đông, tây, nam, bắc, câu đối lấy chữ trong bát-quái: càn, khảm, chấn, cấn, tốn, ly, khôn, đoài. Lời văn nghe cũng được, tiếc vì không đối liền lúc đó, mãi đến hôm sau mới đối xong, vả chẳng

ra đã là ra tức - cảnh, đối cũng phải đối tức cảnh mới phải. Chứ đây...! Tuy vậy, ông Đ.X.H. vẫn không nên trách. Ông, hôm ấy trong người có không được khỏe. Nói cái tài, cái học, của ông thời còn gấp ba, gấp bốn ký-giả vậy.

Ngày đó rồi cách mấy bữa nữa, thời ký-giả được giấy tha. Về nhà đã một năm, chỉ rành chơi thơ mà không chơi đối đến. Một hôm bỗng có ông bạn, ông Trương-bửu-Đình, người Hòa-Ninh phủ Quảng-Trạch) tin rằng (Dân-báo ở Saigon có mở một cuộc thi văn chương, trong có ra hai câu đối:

a) Quan báo hại dân, dân kêu Dân-báo.

b) Trên đường cái quan xe dân đụng phải xe quan, bị phạt năm quan tiền chẵn.

Sẵn bút mực trên bàn, ký-giả thảo ngay bài dự-thí. Ông cầm đọc:

Ra: Quan báo hại dân, dân kêu Dân-báo.

Đối: Xiêm trình qua Nhật, Nhật đăng nhật trình.

Đoạn nói: Quan đối Xiêm! báo đối trình.

Đoạn đọc tiếp:

Ra: Trên đường cái quan, xe dân đụng phải xe quan, bị phạt năm quan tiền chẵn (1).

Đối: Ai cầu con đồng, chén thiếc hóa nên chén đồng xin thưởng một đồng bạc trăm (1). (Ý nói nếu ai có tài cầu con đồng lên, mà con đồng ấy có thể hóa cái chén thiếc nên cái chén đồng được thời xin thưởng 100\$).

Đoạn ông nói: «đường đối cầu, cái đối con, quan đối đồng, phải đối nên, phạt đối thưởng, tiền đối bạc!...»

Bài dự-thí này gửi được ít lúc, thời vừa tới năm Giáp-Tuất ta nay, lại vừa được tin Dân-báo đình bản! Tiếc thay!

NGUYỄN-VĂN-ĐỀ

1) Câu ra cái quan, chữ hán có chữ đôi cái quan (cái là lọng, quan là mũ), quan tiền là một quan tiền lại là quan tiền, hai chữ đối nghĩa nhau (một quan một tiền). Câu đối: con đồng; đồng đồng âm với chữ đồng là trẻ, thành ra trẻ con, đôi với cái quan; đồng bạc là một đồng bạc, lại là đồng bạc hai chữ đối nghĩa nhau, đối với quan tiền rất thích.

M Ò N G T Ì N H

(Đoản thiên tiểu thuyết)

Thủng thỉnh sau cum mây vàng, bóng kim ô lần lần đã xuống tới ngọn Ngòi-sơn. Giòng Linh-giang phẳng lặng, chong veo như gương thủy, phản chiếu cảnh trời chiều. Miếu Thanh - hoàng nhuộm màu tang hải, ngậm vẻ tiêu điều mấy thời đại hưng vong, nổi giữa làn nước mặn như treo giữa hai khoảng trời.

Mông mênh tinh cảm, man mác mỹ tình. Tôi còn ngồi như ngây như dại trên tảng đá rộng gần bờ sông. Bỗng sau lưng tôi có tiếng người, ngảnh lại thì anh phu trạm cầm một lá thư trao cho tôi, tôi liền xé đọc.

Hanoi ngày 12 tháng chín năm 1933

Thưa Anh,

« Cách vời, làn mây bạc đưa
« tin, nhưng thương nhớ, mông
« hồn em còn khắc khoải. Giữa
« đất Thăng-Long phần hoa đỏ
« hội, em ôm một tấm lòng cô,
« rung rung lệ ứa. Nào nài
« thay con ly biệt!

« Ngày anh từ Nam ra Trung,
« em lại từ Trung ra Bắc, theo
« đuổi nhau mà chẳng được gặp
« nhau. Em còn nhớ ngày nào
« cây vè đường chưa ráo mà
« sương đã cùng nhau dậy ra
« chơi ngoài nội cỏ để trút bớt
« cái buồn cho cỏ cây. Nào ngờ
« mới bước, đã xa xa một đám
« cỏ vàng, vài cây dương liễu
« thướt tha dưới gió tây nam
« mà lòng sầu em chứa chan
« cảm lệ, phải lui về nhà.

« Bây giờ hồi tưởng lại cuộc
« đi chơi hai bà năm về trước,
« lúc còn xuân xanh, không khỏi
« không tự hỏi vì sao đám cỏ
« lại vàng, cây dương liễu thướt

« tha tha thướt. Mới biết nó
« cũng sầu anh ạ, cái nỗi sầu
« nó có khác chi em, nó sầu
« vì cảnh giới u ám, em sầu vì
« cái cảnh lăm thân

Tôi đọc tới đây, động lòng quá độ, không thể không thương tới đời em tôi sớm đã nhuộm lấy sầu, một cái sầu khôn gột khôn tan.

Em tôi không đời nào vui, khi vui cũng chỉ lộ vẻ buồn, mỗi một lời như chứa chan giọt lệ.

Thuật tới đây tôi bỗng nhớ tới một câu của nhà thi - sĩ Pháp trữ danh :

« Quả tim ta là một cái đàn không đủ phím, một cái nhị không đủ giây mà chúng ta phải gảy giọng vui theo thể giọng buồn»

(Notre cœur est un instrument incomplet, une lyre où il manque des cordes et où nous sommes forcés de rendre les accents de la joie sur le ton sacré aux soupirs)

Khi em tôi sinh ra, chú tôi mất đã sáu tháng rồi, nhà thi mắc tang chế, cái cảnh lọt vào con mắt em tôi trước nhất là cái cảnh tiếng khóc hòa lẫn với lời than. Lúc chào đời, thật nhọc trần đã cử khúc bi ai. Ba thước khăn giải, một manh áo sớ, lấy thấm lệ mà rửa mặt mày, em tôi bắt đầu hưởng thụ ơn gia đình xã hội!

Em tôi lên bảy, bắt đầu đi học. Tinh đa sầu đa cảm, luận quốc văn thương có giọng buồn.

Năm lên mười bốn, vào học trường Cao đẳng tiểu học ở Huế thường lên đỉnh Ngự bình nghe tiếng thông reo, ngắm tranh thủy mặc trời bày.

Này cung điện lâu đài chen chúc trong Hoàng-thành in mùi cổ độ.

Này cột cờ Cổ-việt như đài vô tuyến điện giữa khoảng trời trong.

Này con sông Hương uốn khúc lúc vào lón cây râm, lúc rõ rệt như giải lụa thanh thiên giữa cánh đồng xanh biếc.

Đối với cảnh ấy ai không chan chứa cảm tình. Sông núi cảnh đồng tạo-hóa khéo lựa đề cùng một bức. Đứng trước cảnh đẹp, cảm tình mỗi người mỗi khác nhưng không có người nào là không có cảm mà đã có cảm thì tất có tình.

Có núi có sông, cảnh ấy mới đẹp, có sông không núi, có núi không sông, cảnh ấy hồ dễ đã có người du ngoạn. Tất nhiên đứng trước cảnh núi cùng sông, người nào lại không chan chứa cảm tình vì sông với núi.

Cảnh ấy người ấy, tài nào em tôi không mê mết, nên chủ nhật nào cũng đi xem. Nhưng cảnh như thế, phải có người như thế họa may mới hưởng được cái mỹ miều, tuyệt diệu.

Trong mấy năm em tôi ở Huế thường gặp một thiếu nữ cũng đa sầu, cũng nặng cảm, cũng thường thường lên chốn sườn non ngắm tranh tạo hóa.

Lần đầu thấy nhau còn lạ, tránh nhau, sau quen nhau lại

chỉ ước được gặp nhau. Vì mục đích như nhau, cũng cùng ngắm sắc nước cảnh trời, vì bầm tính như nhau, cũng cùng nặng sầu, nặng cảm, nên chẳng mấy chốc mà thương nhau — Tuy nhiên, ngoài cái nụ cười lúc lưng chừng núi trộm thấy nhau, ngoài câu thơ đề họa, lúc hanh vắng trời chiều thì tuyệt không có thư từ đi lại. Một tháng, hai tháng, ba tháng, năm sáu tháng, một năm, ba bốn năm đằng đẳng chỉ ngượng ngùng chẳng dám hở môi mong ước sắt cầm. Một đôi khi, nhớ mà bốn mắt gặp nhau thì trơ trơ ngó mãi, lại lảng mòng tính.

Dần dà hề không trông thấy nhau trong một ngày là đã khó chịu, biếng ăn, biếng học, tinh thần như dại như say.

Thì giờ thật đã chạy nhanh, mới đó hết xuân qua hạ, tới độ nghỉ hè. Thì thành chung, em tôi đậu, trong lòng rất sướng, định lên núi gặp cô Bích-Vân tỏ sự vui mừng.

Nào ngờ leo lên đỉnh núi nhìn quanh mãi chỉ thấy quăng vắng thông reo, sườn không một bóng. Thỉnh thoảng cành cây rụng, ngọn lá khô theo gió bay đưa. Trong khoảng trời chiều rộng rỗng buồn tênh, em tôi chờ mãi. Một giờ, hai giờ, ba, bốn giờ, không nghe tiếng động; lưng sườn quanh hiu.

Trời bấy giờ đã gần tối, dưới đồng mục tử đã hát nghêu ngao, trên không chim chóc đã lướt gió bay về.

Mấy chiều đã nời dậy, sương chiều đã phủ sườn non, em tôi thấy cảnh càng buồn, trời càng rộng, bởi hồi thồn thức, một mình giữa chốn rừng không.

Đêm hôm ấy em tôi biếng ăn nhác ngủ chỉ nghĩ ngợi mơ

màng, bên mình ngọn đèn dầu mờ tỏ cầm canh.

Sau hồi ra thì cô Bích-Vân vì mẹ ốm mà phải về nhà săn sóc thuốc thang. Nhưng bà mẹ cô ốm nặng, bệnh tình tăng mãi mà từ trần. Cô con một, bơ vơ, vì quá thương mẹ, nên chẳng bao lâu cũng thành đau nặng.

Em tôi được thơ thì tôi dục về, liền sửa soạn hành trang, sáng mai đáp tàu đi Hanoi. Thì ngay tối hôm ấy lại tiếp được bức thư :

Hadong ngày

Cùng anh T. Đ. T.

« Hai ta tuy chưa đính ước, « nhưng lời ước nguyện trăm năm « đã tỏ rõ. Mỗi khi chiều trời, « tiếng nhạn kêu sương, vùng « thôn giã đỏ ngọn đèn, chúng « ta trên đỉnh Ngự đã được « cùng nhau hưởng thú êm đềm « thông reo, lá rụng cảnh non « sông như tỏ vẻ buồn, tranh « tạo hóa như nhuộm mùi tang « hải, chúng ta đã tìm được chỗ « vừa lòng, hai người ưng một « cảnh.

« Nào ngờ chẳng mấy chốc « nay thành giấc mòng ; tiếp « được thơ này người viết thơ « đây thành người thiên cổ

« Ôi ! gặp nhau ước được « cùng nhau, để đường đời chia

“ gánh nợ, ai ngờ đầu trời cay
“ nghiệt, giữa dòng đánh chiếc
“ bách tan nát.

“ Nhưng thôi, tiếc cũng thừa
“ than thêm dở, cột cờ nợ, núi
“ Ngự này xin chứng cho cái
“ oan uổng, cái kiếp hoa tàn
“ mà muôn năm thu dấu tích.
“ Rồi đây, mỗi khi anh lên
“ đỉnh Ngự, nghe tiếng thông reo
“ áo nào lưng sườn là hồn bạc
“ mệnh về ngồi trên ngọn núi,
“ ở tầng đá khi xưa mà ngắm
“ cảnh đô thành; dưới bóng tịch
“ dương cùng anh ngoạn thưởng.
“ Mấy lời vĩnh biệt, xin hẹn
“ sau này . . .

BÍCH-VÂN bái »

Em tôi đọc xong, toát mồ hôi, ngồi thừ ra mãi.

Thôi thế là thôi, người ta đề dạ, sớm đã chết rồi. Xuân xanh hai chín, cuộc đời còn hi vọng bao nhiêu, thế mà nay đã tan xương dưới nắm mồ xanh cỏ.

Em tôi từ đó sầu càng nặng, mỗi khi hồi tưởng lại đời xưa là không khỏi không chảy nước mắt khóc thầm.

Hồi năm một ngàn chín trăm hăm hai, em tôi ra Hanoi có ghé lại viếng mộ cô Bích-Vân. Tới nơi mưa tầm tã, nắm mồ còn phủ đầy lá rụng, ngọn thùy-dương ư rũ nặng sầu, trên cành vắng lá, lệ long lanh.

Gần đấy rừng thông rậm rạp, có giòng nước chảy quanh co, có mấy cụm lều tranh xơ xác. Cảnh buồn như xé dạ chua cay, em tôi ngồi bên mộ, trên tảng đá xanh cho tới tối mới chịu về. Ra Hanoi, bị cảm, liền ốm nặng, tôi ra chăm nom một tháng mới lành. Nhân lúc ngồi rảnh, mới kể lại cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện gặp nhau trên núi Ngự-bình.

TRẦN-DÌNH-GIẢN

KÍNH CÁO ĐỌC GIẢ

Chúng tôi hiện cần báo Chớp bóng cũ số 2, 3, 4, 5, 13, 14, 15, và 16. Các bạn ai có cả ngần ấy số hay có một số trong những số ấy không dùng đến xin gửi về cho bản-chí, bản-chí sẽ gửi biểu báo V. H. T. C. hay sách của Đông-Tây ấn-quán xuất bản.

V. H. T. C.

CÂU CHUYỆN THỨ BẢY

VĂN PHÒNG HỘI NGHỊ



Ngày kia, anh Bút, anh Giấy, anh Mực và anh Bình-Mực hết thấy một bọn văn phòng cùng nhóm trong thư viện, mở một bàn hội nghị. Bởi vì bọn ấy bấy lâu vẫn thường tranh giành công khó, chẳng ai chịu nhường ai, không lẽ không giải quyết nên bữa nay nhóm lại và cùng thỉnh một vị Tự-do tiên sinh làm chủ tọa, để phán - đoán giùm cho.

Sắp đặt bàn ngồi đâu đó xong rồi, anh Bút đứng dậy nói:

— Trước trình tiên sinh, sau xin lỗi các anh, tôi dám chắc rằng công lao của tôi tỷ với các anh là lớn hơn hết, vì trên thế-giới mà không có tôi thì mấy nhà đại tư-tưởng đại văn-hào không biết lấy chi mà truyền bá học thuyết của mình ra được.

Anh Giấy đứng lên nói tiếp rằng:

— Cái đó thì anh lại phải nhờ tới tôi, nếu không có tôi, thì anh do đâu mà truyền bá được ý chí?

Kể anh Mực cũng đứng lên nói:

— Câu chuyện của hai anh đều là ý kiến thiên-lệch, nói rút lại là đồ bỏ hết. Các anh phải biết rằng bao nhiêu thần sắc của các anh là do ai cấp phát cho? Nếu không nhờ có tôi thì các anh chẳng qua là một trương giấy trắng, một cây bút trơ, thấy đều thúc thủ vào sách mà thôi, chớ lấy chi mà đạt tới mục-đích. Vậy thì cái công nặng đó toàn là của tôi.

Anh Bình-Mực từ nãy vẫn

ngồi nín thinh mà nghe, bấy giờ thấy anh Mực ra bộ nói phách thì nổi tức, chẳng chờ cho anh kia dứt lời, liền đứng phắt dậy, đập bàn la lớn lên rằng:

— Chà! thế thì công của ngài mực chẳng to lắm nhỉ! Mấy ngài nếu muốn giảng luật cho đích xác thì trước hết phải nhìn mặt thằng Bình này, mà sùng bái thằng Bình này mới phải. Các ngài phải biết cho rằng: nếu không có thằng Bình này, thì ngài Mực không chỗ nương mình, ngài Bút không chỗ nhúng tay, ngài Giấy cũng chẳng có thần sắc chi hết. Chao ôi! mấy ngài hết thấy quên nơi căn bản, mà làm bộ nói phách đó thôi.

Khi đó ai nấy ồn ào đều cạy công của mình, mà ranh nhau kịch liệt.

Ông chủ tịch Tự-do tiên-sinh ngồi dự thỉnh ở bàn trên nghe tới đó bực cười, bèn đứng dậy rung chuông cho ai nấy im lặng rồi từ từ phán đoán rằng:

— Mấy thầy khoan đã, để lão phân giải cho mà nghe. Những lời giảng luận của mấy thầy đều là phải cả, mà cũng đều là sai cả, mấy thầy đều thấy cái bản lãnh của mình là lớn, mà mấy thầy không chịu nhìn nhận chỗ khuyết điểm của mình để suy ra cái lẽ ai thiếu ai, là đều chẳng được. Đại phạm trong đời ai ai đều phải đồng lực hiệp tác, mới có thể làm được công chuyện lớn lao. Không hiệp lực đồng tâm thì công chuyện trọn đời chẳng xong chi hết. Vậy cái chủ nghĩa « Hiệp-quần » nên cùng nhau mà sùng bái. Mấy thầy chớ khá giành lộn nhau, hãy nên giúp lẫn nhau thì cái công dụng chẳng lớn lắm ru?

Cả bọn nghe lời tiên sinh khuyên giải, liền thuận hòa với nhau từ đó kết làm « Văn phòng tứ hữu » hòa hiệp cùng nhau, thành một thư-xã lớn lao, tiếng tăm lừng lẫy.

ANH-HOÀ-CHI

(Đ. N.)

HỘP THU

Ông Lương Quang Huy, Hưng Yên — Theo lời ông hỏi trong thư bản chỉ tiếc rằng không thể trả lời ông được.

Ông Phan họa Đống, Bồng Sơn — Về hai quyển sách ông hỏi mua, chúng tôi đã gửi vô ông hôm 20-11-34 rồi thế là ông còn thiếu 0\$39 nữa vì ông mới trả có 0\$20. Xin ông gửi ra trả cho luôn thế cùng với tiền Văn-học cho đỡ tốn cước phí.

Ông Khúc hữu Đạt, Muong Seng — văn Học kỳ nào cũng gửi ông xem không hiểu sao ông lại không nhận được từ số 51 đến nay.

Ông Bùi đức Duy, Phú Phong — Mandat 1\$00 ông gửi ra trả tiền mua báo, chúng tôi đã nhận được; còn V. H. vẫn gửi liên tiếp vô để ông xem.

Ông Phạm văn Nghị, Mon Cay — Văn Học số 43, 44, 58 và quyển 120 bài học thuộc lòng đã gửi ra ông hôm 24-11-34 rồi. Còn mấy điều ông hỏi trong thư sẽ trả lời sau.

Hoa-Lư-Kết-Nghĩa

(LICH-SỬ TIỂU THUYẾT)

Soạn giả : DƯƠNG - BÁ - TRẠC

(Tiếp theo)



Lê tướng-quân được thư của Đinh tướng-quân dặn bảo các lễ, cũng y kế thi hành. Một mặt chia quân đi chiếm lấy các thành trì, chứ không đốc đại quân giao chiến với quân Cảnh-Thạc nữa. Một mặt sai sứ đưa thư cùng Cảnh-Thạc, bày bảo mọi điều lợi hại nên hư, khuyên Cảnh-Thạc nên sớm biết hồi đầu, cùng thờ chân chúa lập công danh khỏi đeo lấy cái tiếng trái trời nghịch mệnh. Sứ mệnh đi về, năm lần bảy lượt Cảnh-Thạc cứ khăng khăng một mực không nghe.

Lê tướng-quân mặt phúc thư về trình Đinh tướng-quân định đoạt, Đinh tướng-quân liền phái một người thân tín đem bức thủ-thư đưa Đỗ cảnh-Thạc. Thư rằng :

« Kính thư dâng nộp dưới cờ Đỗ tướng quân. Tướng quân từ lúc cùng Phạm lệnh-Công chăm mưu mật lự, giúp con Tiên chúa khôi phục được đế nghiệp vua Ngô; cái đức trung dũng, cái tài thao lược của tướng-quân, chúng tôi rất lấy làm khâm phục. Chỉ vì non sông cách trở, thanh khí không thông nên chưa có dịp được gần gũi uy nhân, cùng nhau rãi bày gan mật. Người xưa nói: chỉ anh hùng mới biết được anh hùng, chỉ hào kiệt mới biết được hào kiệt. Chúng tôi với tướng quân vốn chẳng có thù nghịch gì với nhau; chúng tôi tự nghĩ vậy mà giám chắc tướng quân cũng nghĩ vậy. Chẳng qua chúng mình đều rủi gặp phải lúc nước nhà biến cố, binh qua nương nhiễu, non nước tan tành. Phạm người trong nước ai đã tự mệnh mình là hào kiệt anh hùng, cũng muốn đem cái bảo phụ an bang định loạn mà thi thố với đời, để cho

dân được yên, nước được trị. Tướng quân lúc trước phò tá vua Ngô, chẳng may vận nhà Ngô suy sụp, lại phải xoay ra cát cứ xưng hùng; còn chúng tôi sớm biết đế nghiệp vua Ngô không sao hưng phục được nữa, nên cùng nhau gây nền dựng nghiệp ở cõi đất Hoa-lư; hai đảng đi hai phương hướng khác nhau, thành ra phải có nhiều khi xung đột, nhưng xét về tâm lý thì cũng đều bởi một cái chí nguyện an bang định loạn mà ra. Chỗ chí nguyện chúng mình đã hợp nhau thì miễn làm sao mà định được loạn, yên được dân tức là chúng mình có thể hợp nhau, cùng nhau tay bắt mặt mừng ở dưới cái đích ấy được cả. Xin tướng-quân thử bình tâm nghĩ lại: trong nước bây giờ trừ động-chúa tôi ra còn ai là có tư cách thống nhất hơn nữa; nói về thế lực thì suốt từ Hoan-châu giở ra bắc, Đẳng-châu giở vô nam, ba phần tư đất nước đã thuộc về trong tay động-chúa tôi cả; nói về tài đức khí lượng thì Động chúa tôi từ thuở nhỏ đã có cái chí độ phi thường, trong khoảng mấy năm nay đánh đông dẹp bắc, cái oai danh vạn thắng lừng lẫy khắp gần xa, sức kiêu hùng kiệt ngạo như Lê-Hoàn, Phạm-phòng-Át đều cam lòng cúi cổ chịu khu sách ở dưới cờ, phần thân hiệu lực, nhân tâm qui phục, không những ở hai nơi bản bộ cũ Hoa-lư, Bồ-hải, mà ngay ở lĩnh thổ mới Đẳng châu và các châu huyện thuộc cõi Long-biên gần biên giới Sơn-nam hạ lộ đều một lòng tưng đức ca nhân. Cái công nghiệp thống nhất của Động chúa tôi chỉ trong sớm tối đây là thành tựu. Nếu tướng quân thực có

cái chí an bang định loạn thì nên theo về với Động chúa tôi đồng tâm hiệp lực, tiêu trừ gian nguy cho nước sớm được trị, dân sớm được yên bề công danh vào trúc bạch, lưu sự nghiệp trong xứ xanh, không hổ tiếng là một đấng anh hùng hào kiệt. Nay tướng quân không thăm đạt thời thế, khu khu giữ mấy ngàn tàn tốt, đợi chết trong bốn mặt vòng vây, dương cái cánh tay họ ngựa mà chống với bánh xe làm cho cái họa binh lửa cứ kéo dài mãi ra chẳng là trái với cái chí an bang định loạn của mình vẫn hoài-bảo thừa nay nhiều lắm.

« Than ôi ! nước nhà chẳng may gặp phải thời kỳ tao nhieu, kẻ nhân dân đồng loại mình đã bao lâu phải chịu cái nỗi khổ tan nhà nát cửa tổn của hao người, bao nhi đồng vô tội phải mắc nạn mồ côi, bao phụ nữ oan tình phải đeo sầu ở góa, mấy mươi giăm sông Lô núi lãn quẩn quai ở trong vòng nước lửa đã quá sâu quá nóng rồi, tướng cũng đáng cho kẻ hào kiệt anh hùng nhỏ một giọt lệ đa tình, động lòng thương đến nước đến nơi mà dẹp bỏ cái bụng ghen tức hẹp hòi cùng nhau nhường nhịn để huê, lo mau mau thu thúc cái cuộc chia rẽ tranh giành, cho trăm họ được mau mau nhờ hưởng cái phúc an cư lạc nghiệp vậy. Chẳng hay cái tiếng kêu ai oán trong mười mấy năm trời của cô bác anh em giòng Hồng giống Lạc có từng rung chuyển tới chỗ can trường sắt đá của tướng quân không ?

Xa tổ tắc thành, kính chờ phúc mệnh »

Đỗ-Cảnh-Thạc được thư của Đinh tướng quân xem đi xem lại đến ba bốn lần, trong lòng cảm động quá, lập tức đưa thư đình chiến với Lê, Phạm hai tướng và phúc thư cho Đinh tướng quân rằng :

« Kính phúc thư dâng nộp dưới cờ Đinh tướng-quân.

Tiếp thư tôn-huynh, khiến cho tiện đệ bù-ngùi khôn xiết, vừa tủi vừa thẹn, trăm mối tơ vò: Tủi vì nổi cũng tai cũng mất, cũng đường đường một bậc tài trai, quá nửa đời ôm cái chí nguyện an bang định loạn làm nên công nghiệp hào kiệt anh hùng mà rút lại chẳng thành trò trống gì, chẳng dẹp được loạn, chẳng yên được dân, lại còn tự mình gây việc chông gai, khiến cho nước thêm tan, dân thêm khổ nữa. Thẹn vì nổi có mắt như mù, có tai như điếc, không sớm biết nước nhà đã có vị chân chủ, lỡ cái cơ-

hội mây rồng gió hổ, không nương tựa được người xứng đáng mà lập nghiệp kiến công, khác nào như một người con gái, đương lúc hoa còn phong nhị, trăng mới tròn gương đã chót đại theo anh chàng vô lại xô chợ đầu đường, cho đến khi hoa ủa trăng tàn ăn năn gì kịp. Trong thư tôn huynh dạy bảo các lẽ, như mở mây mù mà thấy trời xanh. Đệ không dám cãi rằng : qui-phụ Đinh động chúa là không nên. Đệ cũng không nỡ lòng nào còn kéo dài mãi cuộc binh đao cho trăm họ thêm mãi cái họa lầm than khổ ải. Có điều tự nghĩ, cái thân vô dụng của đệ bây giờ, ngựa già hết hay, trâu già hết khỏe, dù có theo người khu sách cũng chẳng ích gì cho cái sự nghiệp an bang định loạn của anh em tướng quân. Như thế mà nếu lại cầm mặt vô sỉ hạ mình thâu bọc để kiếm miếng giàu sang thì còn có tí gì là cái bảo phụ anh hùng hào kiệt nữa. Thôi, xin tạ tội cùng non sông tổ quốc, tạ tội cùng dân chúng đồng bào, tự mình đã không dẹp được loạn, yên được dân thì còn chút thân tàn, quyết đem một cái chết mà tỏ cho cả nước biết rằng chân-chủ đã có người, ai nấy đều nên từng phục phụng thừa cho kết liễu cái cuộc chia rẽ tranh giành, mà cùng hưởng cái phúc an cư lạc nghiệp, ấy tức là công việc cuối cùng về cái chí nguyện an bang định loạn của tiện đệ đối với nước với dân vậy. Sau khi nhắm mắt, đệ mong tôn huynh cùng các tướng phò tá Đinh động chúa chóng nên nghiệp đế, thống nhất sơn hà, nhân dân trong nước chóng được yên ổn thái bình thì hồn đệ ở dưới suối vàng cũng được cam lòng hả dạ. »

Phát sứ đưa phúc thư cho Đinh tướng-quân rồi truyền lệnh quân lính đều cỡi giáp bó gươm thu tên sếp nỏ, đem nộp trước trại quân Lê-tướng, và đón Lê tướng vào kiểm nhận hết thành trì kho tàng, sổ sách quân dân. Sau mấy lời hiền dụ dân chúng nên yên nghiệp làm ăn mà phủ ủy quan quân nên phục thờ chủ mới, Đỗ cảnh-Thạc, tự đâm cổ chết ở trên tiệc rượu đương cùng yến ẩm với Lê, Phạm hai tướng-quân.

Đinh tướng-quân tiếp phúc thư của Đỗ cảnh-Thạc, rất lấy làm thần phục liền thân hành ra trại quân Lê tướng để cùng làm việc xử trí Đỗ cảnh-Thạc và thu tính Đỗ động thế nào. Đường đi gần tới nơi thì vừa tiếp thư Lê tướng phi báo việc hành động của Đỗ cảnh-Thạc như đã kể trên.

(Còn nữa)

10 bộ sách bán rất rẻ

Vì muốn bán cho hết nên những sách kể dưới đây bán thực rẻ:

CÂU CHUYỆN LÀM QUÀ của ông giáo VŨ-TỨC (dùng làm Lectures du Samedi) đã được Hội đồng duyệt sách công nhận là sách giáo khoa rất tốt trước bán 0\$25 nay bán 0\$10 Cước 0\$06			
CÒN CHƠI của ông Tản-Đà NGUYỄN-KHẮC-HIỆU	0.30	0.12	0.03
KIỀU VÂN TẬP THÀNH của ông TIẾN-SĨ NGUYỄN-CỬ (sách dạy tập kiêu, trên dạy cách tập, dưới là toàn truyện Kim Vân Kiều, dày hơn 200 trang).	0.60	0.20	0.09
GÁI TRẢ THÙ NHÀ của TRÚC-KHÊ dịch	0.18	0.08	0.03
SÁCH ĐOÁN MỘNG (có sách tự đoán lấy được)	0.35	0.12	0.06
CHUYỆN MIẾNG DA LỪA cả bộ 7 quyển	0.35	0.12	0.12
GUI-LI-VE DU KÝ 3	0.20	0.07	0.03
TÊ LÊ MẠC PHIÊU LƯU KÝ 10.	0.50	0.13	0.12
GUIDE PRATIQUE D'EXERCICES PHYSIQUES ET DE JEUX SCOLAIRES par NGUYỄN-QUÍ-TOẢN	0.50	0.20	0.09
NÔNG LÂM HÓA HỌC KỸ NGHỆ (rất có ích)	0.35	0.10	0.06

Thư và mandat gửi cho Đông Tây ấn quán, 193, phố hàng Bông - Hanoi

L I S E Z

EURYDICE

1^{er} Prix de l'Indochine

par NGUYỄN - TIẾN - LĂNG

Chuyện Tình xưa này một bên chữ Pháp, một bên chữ quốc ngữ của ông Nguyễn-Tiến-Lăng đã được phần thưởng nhất của báo Indochine

Bán tại Đông-Tây ấn-quán, 193, hàng Bông Hanoi

Giá 0\$25 - Cước thưởng 0\$03

Một quyển sách hay đáng đọc !

NỮ LƯU VĂN HỌC SỬ

Của SỞ-CƯỜNG LÊ - DƯ soạn

女流文學史

Trong quyển này, tác-giả chuyên khảo về phương diện văn-học của nữ-lưu nước ta ngày xưa, để cho biết nữ lưu nước ta xưa nay không thiếu gì hạng tài hoa, có học vấn, có văn chương truyền đời; lịch sử và chuyện các bà như Trương Quỳnh Như, Ngọc-hoa Công Chúa, Hồ-xuân Hương, Bà huyện Thanh-Quan, Bang-Nhơn, Kim-Hoa học-sĩ, Phạm-Lam-Anh (tất cả gần 20 vị) tác-giả kể rõ ràng, lại có trích những bài thơ văn hay của các vị ấy.

Sách dày gần 100 trang khổ rộng. Trước bán 0\$35 nay chỉ bán 0\$15 Cước thưởng 0\$06). Đề cho Đông-tây ấn-quán, 193, hàng Bông - Hanoi